

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hàng hóa hóa chất tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá **Lần 2** để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa nguyên vật liệu cho đề tài cấp ĐHQG-HCM, mã số 36-2025-18-03.

Nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua Email: **trttrang@hcmus.edu.vn**
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo đến hết ngày 16 tháng 5 năm 2025.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.**
- Thời gian giao hàng dự kiến:** 60 ngày (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:**
 - Tạm ứng: Không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:**
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học tự nhiên - số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. HCM.
 - Phương thức giao hàng: bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).

- Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.
- Thay thế nguyên vật liệu bị hư hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp; nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại **Phụ lục 2**.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của mặt hàng báo giá và tài liệu liên quan (nếu có).

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo./.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
1.	Khuôn gene block, mỗi đặc hiệu	SV10-004	Phù Sa	2024	Việt Nam	Phù Sa	* Tổng hợp Gblock/Gene Fragment: Tổng hợp đoạn DNA sợi đôi * Kích thước (bp): 701 - 1000 bp * Lượng sản phẩm: 400-500 ng/ ống	Khuôn	1
2.	Giải trình tự	SV07	Phù Sa	2024	Việt Nam	Phù Sa	* Giải mã trình tự gen dựa trên kỹ thuật Sanger * Giải trình tự 1 chiều/ 2 chiều * Đa dạng nền mẫu, đa dạng loại mẫu (mẫu thô, mẫu PCR chưa tinh sạch, mẫu PCR/ Plasmid đã tinh sạch) * Đã gồm QC mẫu, universal primer	Gen	4
3.	Enzyme MyTaq Red Mix, 2x	BIO-25044	Meridian Bioscience – Bioline	2024	Anh	Meridian Bioscience – Bioline	* Hỗn hợp chạy phản ứng PCR đã được pha sẵn, nồng độ 2X * Chỉ cần bổ sung mẫu, môi và nước; giúp giảm thiểu bước pipette * Chứa thuốc nhuộm màu đỏ, cho phép nạp mẫu trực tiếp vào gel điện di * Chứa dNTPs, MgCl ₂ . * 1000 phản ứng/ hộp	Hộp	4
4.	UltraFlux® i PCR Tubes with Caps	3248-00	SSI	2024	Mỹ	SSI	* Dây 8 ống thể tích 0.1mL, nắp phẳng * Nắp dính kèm ống * Chất liệu: polypropylene nguyên	Hộp	1

							sinh * Chứng nhận không chứa: RNase, DNase, DNA, và PCR inhibitors 120 strip/ hộp		
5.	Hợp chất DTT	DB0058	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: C ₄ H ₁₀ O ₂ S ₂ * Khối lượng phân tử: 154.25 * Trạng thái: dạng tinh thể trắng * Nhiệt độ nóng chảy: 42±2°C * 5g/ chai	Chai	2
6.	Syringe Filter Minisart NML	S7598-FXOSK	Sartorius	2024	Đức	Sartorius	* Syringe lọc chất liệu Cellulose Acetate không có chất hoạt động bề mặt (SFCA) * Đường kính lỗ lọc: 0.45 µm * Tiết trùng từng cái bằng ethylene oxide (EO) * Female Luer Lock, Male Luer Slip. * 50 cái/hộp	Hộp	1
7.	EZ - 10 Column & Collection tube	SD5005	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Cột quay EZ-10 hoàn chỉnh với nắp gắn liền và ống thu nhận 2 mL * Mạng silica có cấu trúc mao dẫn mịn, tốc độ dòng chảy nhanh và khả năng chịu tải cao * Sức chứa lên đến 20 µg, A ₂₆₀ /A ₂₈₀ của DNA tinh khiết ≥ 1,8, RNA ~ 2,0 * 100 cái/gói	Gói	2
8.	Màng lọc Cellulose acetate	11107-47-N	Sartorius	2024	Đức	Sartorius	* Giấy lọc chất liệu Cellulose Acetate (CA) * Đường kính giấy lọc: 47 mm * Đường kính lỗ lọc: 0.2µm * Khả năng thấm nước: ưa nước * 100 tấm/hộp	Hộp	2
9.	MacConkey Agar w/0.15% Bile Salts	M081	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia	* Phân lập và phân biệt có chọn lọc các vi khuẩn coliform và các tác nhân gây bệnh đường ruột	Chai	1

							* MacConkey Agar với 0.15% Bile salts, CV và NaCl * Độ pH cuối: 7.1±0.2 tại 25°C * Pha 51,53 gram trong 1000 mL nước tinh khiết/ nước cất * 500 gram/chai		
10.	Ống nghiệm đựng mẫu có nắp bằng nhựa	MB-Q200	Gunster	2024	Đài Loan	Gunster	* Dây ống PCR 0.2 mL, không màu, thành ống mỏng * Dây 8 nắp tương ứng đi kèm, nắp trong * Chất liệu: USP VI Polypropylene * Không nhiễm DNase, RNase, DNA, PCR Inhibitor, ATP, Endotoxin * 120 chuỗi/ hộp	Hộp	1
11.	Hóa chất Methanol PA	106009	Merck	2024	Đức	Merck	* Công thức hóa học: CH₃OH * Khối lượng phân tử: 32.04 g/mol * Trạng thái: dung dịch không màu * Độ tinh sạch (GC): ≥ 99.9 % * Chai 2.5L	Chai	2
12.	Hợp chất Beta-Mercaptoethanol	MB0338	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: C₂H₆OS * Khối lượng phân tử: 78.13 * Trạng thái: dung dịch không màu * Độ tinh sạch: ≥99.0% * Không chứa: Dnase/ Rnase/ Protease * Chai 100 ml	Chai	1
13.	Hóa chất L-Arginine	1.22309.010	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	* Công thức hóa học: C₆H₁₄N₄O₂ * Khối lượng phân tử: 174.20 * Nhiệt độ nóng chảy: 223-224°C * Độ hòa tan trong nước: 148.7 g/ L (20°C) * Chai 5 gram	Chai	1
14.	GeneRuler 1kb DNA ladder	SM0311	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Thang điện di DNA kích thước từ 250 bp đến 10,000bp * Phù hợp cho điện di gel agarose	Ống	4

							* Bảng tham chiếu: 14 băng; có 3 băng màu để dễ quan sát 6000, 3000, 1000 * Cung cấp kèm dung dịch nạp mẫu 3 màu, nồng độ 6X * Đóng gói chung với 6X DNA loading dye, 2 x 1 mL		
15.	Amicon 3kDa	UFC900324	Merck	2024	Đức	Merck	* Lọc ly tâm thể tích mẫu: 15 mL * Chất liệu: màng cellulose tái sinh * Lọc phân tử ở ngưỡng (cutoff): 3 KDa * Tỷ lệ thu hồi: >90% * Thể tích thu hồi tối thiểu 200 µL * Hộp 24 cái	Hộp	1
16.	Amicon 10kDa	UFC901024	Merck	2024	Đức	Merck	* Lọc ly tâm thể tích mẫu: 15 mL * Chất liệu: màng cellulose tái sinh * Lọc phân tử ở ngưỡng (cutoff): 10 KDa * Tỷ lệ thu hồi: >90% * Thể tích thu hồi tối thiểu 200 µL * Hộp 24 cái	Hộp	1
17.	BamHI (10U/µL)	ER0055	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí G^ATATCC * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm chuyên biệt: 10X Buffer BamHI * Nồng độ: 10 U/µL * Ống 10,000 U	Ống	1
18.	Pierce Prestained Protein MW Marker	26612	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Thang điện di protein gồm hỗn hợp 6 protein được nhuộm sẵn, kích cỡ từ 20-120 kDa trong điện di SDS-PAGE * Bảng điện di theo khối lượng phân tử: 120, 85, 50, 35, 25, 20 kDa * Sẵn sàng nạp trực tiếp vào bản gel	Ống	2

							* 2 x 250 uL		
19.	NdeI (10U/uL)	ER0585	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí CA [^] TATG * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm: 10X Buffer O * Nồng độ: 10 U/μL * 4,000 U	Ống	1
20.	Tween20	TB0560	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Tên gọi khác: Polyoxyethylene-20 * Dung dịch nhớt màu vàng đến hổ phách * Độ ẩm (KF): 96 -108 mgKOH/g * Chai 500 mL	Chai	1
21.	T4 ligase, (5U/uL)	EL0011	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme nối bằng cách xúc tác sự hình thành liên kết phosphodiester giữa đầu 5'-phosphate và đầu 3'-hydroxyl * Hệ đệm: 10X T4 DNA Ligase Buffer * Nồng độ: 5 U/μL * 1,000 U	Ống	2
22.	Anti-GST HRP	MA4-004-HRP	Invitrogen	2024	Lithuania, Mỹ...	Invitrogen	* Kháng thể đơn dòng GST Tag * Host/ Isotype: Mouse/ IgG1 * Nồng độ: 1 mg/mL * Liên hợp: HRP	Ống	1
23.	Anti-His HRP	MA1-21315-HRP	Invitrogen	2024	Lithuania, Mỹ...	Invitrogen	* Kháng thể đơn dòng 6x-His Tag * Host/ Isotype: Goat / IgG * Nồng độ: 0.01 mg/mL * Liên hợp: HRP	Ống	2
24.	Amersham TM LMW Calibration kit	17044601	Cytiva	2024	Mỹ	Cytiva	* Để xác định khối lượng phân tử (MW) bằng phương pháp điện di gel polyacrylamide (PAGE) trên gel đồng nhất hoặc gel gradient * MW tối thiểu: Mr 67 000 * MW tối đa: Mr 669 000	Hộp	1

							* Hộp 10 ống		
25.	T4 buffer	B69	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Đệm nồng độ 10X sử dụng với enzyme T4 DNA Ligase * Endo-, exodeoxyribonucleases, ribonucleases free * Đã được thử nghiệm về chức năng trong quá trình gắn DNA. * Ống 1.5ml	Ống	1
26.	1-Step Ultra TMB Western Blot Substrate Solution	37574	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Chất nền TMB phản ứng nhanh với HRP tạo ra kết tủa màu xanh đậm * Ứng dụng: Western Blot * Phương pháp phát hiện: Colorimetric * Tương thích với màng: Nitrocellulose, PVDF * Sử dụng trực tiếp, không cần mix mẫu * Chai 250 ml	Chai	1
27.	1-Step Ultra TMB ELISA Substrate Solution	34028	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Chất nền TMB phản ứng nhanh với HRP tạo ra kết tủa màu xanh đậm * Phương pháp phát hiện: Colorimetric * Không cần thêm thuốc thử hoặc bước lọc * Thuốc thử không chứa DMF hoặc DMSO * Chai 250 ml	Chai	1
28.	Ethanol absolute	1.17113.883	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	* Công thức hóa học: C ₂ H ₅ OH * Khối lượng phân tử: 46.07 * Độ tinh sạch: >99.7% * Chai 500 ml	Chai	8
29.	Hóa chất Formaldehyde, extra pure	F/1501/PB15	Fisher Scientific	2024	EU/ASIA...	Fisher Scientific	* Công thức hóa học: CH ₂ O * Khối lượng phân tử: 30.02g/mol * Hàm lượng: 37-41%	Chai	1

							* Trạng thái: dung dịch không màu * Độ pH: 3 đến 4.2 * Chai 1 L		
30.	Glycerol	G-0650-15	Fisher Scientific	2024	EU/ ASIA...	Fisher Scientific	* Công thức hóa học: C ₃ H ₈ O ₃ * Khối lượng phân tử: 92.09g/mol * Độ tinh sạch: 99+ % * Trạng thái: dung dịch nhớt * Độ pH: 5 * Chai 500 ml	Chai	1
31.	Trizma [®] base	93352	Sigma-Aldrich	2024	EU, ASIA...	Sigma-Aldrich	* Công thức hóa học: NH ₂ C(CH ₂ OH) ₃ * Khối lượng phân tử: 121.14 * Trạng thái: dạng tinh thể * Độ hòa tan trong nước (4 M ở 20°C): cho dung dịch không màu * Độ pH: 10.5-12.0 (25°C, 4 M trong H ₂ O) * Chai 500 gram	Chai	1
32.	Sucrose	SB0498	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: C ₁₂ H ₂₂ O ₁₁ * Khối lượng phân tử: 342.3 * Độ tinh sạch: ≥99.9% * Độ ẩm: ≤0.05% * Chai 500 gram	Chai	1
33.	Imidazole	IB0277	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: C ₃ H ₄ N ₂ * Khối lượng phân tử: 68.08 * Trạng thái: tinh thể trắng * Độ tinh sạch: ≥99.0% * Chai 500 gram	Chai	1
34.	Glycine	GB0235	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: C ₂ H ₅ NO ₂ * Khối lượng phân tử: 75.07 * Trạng thái: tinh thể/ bột trắng * Độ tinh sạch: ≥99% * Chai 500 gram	Chai	1
35.	Guanidine hydrochloride	GB0242	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: CH ₅ N ₃ *HCl * Khối lượng phân tử: 95.53	Chai	1

							* Trạng thái: tinh thể/ bột trắng * Độ tinh sạch: $\geq 99.5\%$ * Độ hòa tan trong nước: 6M, dung dịch không màu * Không chứa: Dnase/ Rnase/ Protease * Chai 500 gram		
36.	Glacial Acetic Acid	A/0406/PB17	Fisher Scientific	2024	EU/ ASIA...	Fisher Scientific	* Công thức hóa học: $C_2H_4O_2$ * Khối lượng phân tử: 60.05g/mol * Trạng thái: dung dịch không màu * Độ pH: 2.5 * Chai 500 L	Chai	1
37.	Tris hydrochloride	TB0103	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: $C_4H_{11}NO_3 \cdot HCl$ * Khối lượng phân tử: 157.64 * Trạng thái: tinh thể/ bột trắng * Độ tinh sạch: 99.0 -101.0% * Độ hòa tan: 1M, dung dịch không màu * Chai 250 gram	Chai	1
38.	100bp DNA ladder	SM0322	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Thang điện di DNA kích thước từ 100 bp đến 3,000bp * Phù hợp cho điện di gel agarose * Bảng tham chiếu: 14 băng; có 2 băng màu để dễ quan sát 1000, 500 * Cung cấp kèm dung dịch nạp mẫu 3 màu, nồng độ 6X	Ống	2
39.	Isopropyl β -D-1-thiogalactopyranoside (IPTG)	R0392	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Kết hợp với X-Gal để xác định kiểu hình lac trong sàng lọc khuẩn lạc xanh/trắng * Nồng độ: 0.1 mM * Dung dịch gốc: 100 mM (23,83 mg/mL) trong nước * Chai 5 gram	Chai	2
40.	Nitrocellulose Membranes,	88014	Thermo Scientific	2024	Lithuania,	Thermo Scientific	* Màng Nitrocellulose cắt sẵn kích thước 10.5 x 7.9 cm	Hộp	1

					Mỹ...		* Đường kính lỗ lọc: 0.45 μ m * Phù hợp với các ứng dụng Western blotting, chuyển màng với các protein (>20 kDa) và acid nucleic (>300 bp)		
41.	Tá dược CFA	F5506	Sigma-Aldrich	2024	EU, ASIA...	Sigma-Aldrich	* Mỗi mL chứa 0.85 mL paraffin oil và 0.15 mL mannide monooleate * Nhũ hóa: tạo nhũ tương với 0,85% NaCl * Trạng thái: dạng dung dịch màu vàng, vàng nhạt * Chai 10mL	chai	2
42.	Tá dược IFA	F5881	Sigma-Aldrich	2024	EU, ASIA...	Sigma-Aldrich	* Mỗi mL chứa 1 mg Mycobacterium tuberculosis (H 37RA, ATCC 25177), đã được xử lý bằng nhiệt và sấy khô, 0.85 mL paraffin oil và 0.15 mL mannide monooleate * Trạng thái: dạng dung dịch màu vàng, vàng nhạt * Chai 10mL	chai	2
43.	Goat anti-Mouse IgG (H+L) Secondary Antibody, HRP	32430	Invitrogen	2024	Mỹ	Invitrogen	* Kháng thể thứ cấp kháng Mouse IgG (H+L) từ dê * Host/ Isotype: Goat / IgG * Nồng độ: 0.01 mg/mL * Liên hợp: HRP * 2mL/ ống	Ống	1
44.	Anti-Mouse IgA (α -chain specific)–Peroxidase antibody produced in goat	A4789	Sigma-Aldrich	2024	EU, ASIA...	Sigma-Aldrich	* Kháng thể đa dòng anti mouse IgA (đặc hiệu chuỗi α) từ dê * Liên hợp: peroxidase * Ứng dụng: ELISA trực tiếp 1:10,000 * 1mL/ ống	Ống	1
45.	Cột sắc ký ái lực His	17524802	Cytiva	2024	Mỹ	Cytiva	* Kỹ thuật sắc ký: tinh chế protein gắn histidine	Hộp	1

							* Khả năng liên kết/ cột: tối thiểu 40 mg protein gắn histidine/ mL môi trường * Đường kính cột: 16 mm * Tốc độ dòng chảy: 5 mL/phút		
46.	Micropipette 100-1000ul	7030201014	DLAB	2024	Trung Quốc	DLAB	* Micropipet thay đổi thể tích, đơn kênh * Dải thể tích: 100-1000 μL * Có thể hấp tiết trùng * Màn hình hiển thị thể tích: 4 chữ số * Trọng lượng nhẹ dưới 100g, giúp dễ dàng cầm nắm * 1 cây/ hộp	Hộp	2
47.	Micropipette 10-100ul	7030201008	DLAB	2024	Trung Quốc	DLAB	* Micropipet thay đổi thể tích, đơn kênh * Dải thể tích: 10-100 μL * Có thể hấp tiết trùng * Màn hình hiển thị thể tích: 4 chữ số * Trọng lượng nhẹ dưới 100g, giúp dễ dàng cầm nắm * 1 cây/hộp	Hộp	2
48.	Micropipette 0.5-100ul	7030201004	DLAB	2024	Trung Quốc	DLAB	* Micropipet thay đổi thể tích, đơn kênh * Dải thể tích: 0.5-10μL * Có thể hấp tiết trùng * Màn hình hiển thị thể tích: 4 chữ số * Trọng lượng nhẹ dưới 100g, giúp dễ dàng cầm nắm * 1 cây/hộp	Hộp	2
49.	Micropipette 20-200ul	7030201009	DLAB	2024	Trung Quốc	DLAB	* Micropipet thay đổi thể tích, đơn kênh * Dải thể tích: 20-200μL * Có thể hấp tiết trùng	Hộp	2

							* Màn hình hiển thị thể tích: 4 chữ số * Trọng lượng nhẹ dưới 100g, giúp dễ dàng cầm nắm * 1 cây/hộp		
50.	Reservoir 1 kênh	22001	SPL	2024	Hàn Quốc	SPL	* Máng đựng hóa chất phù hợp với pipette đa kênh dùng trong nuôi cấy tế bào và xét nghiệm miễn dịch * Chất liệu: polystyrene * Thể tích chứa: 100 mL, có vạch chia thể tích * Tiệt trùng từng cái * 50 cái/ thùng	Thùng	1
51.	Ethanol absolute for analysis	1009832500	Sigma-Aldrich	2024	EU, ASIA...	Sigma-Aldrich	* Công thức hóa học: C₂H₅OH * Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol * Độ tinh sạch: ≥ 99.9 % * Độ pH: 7.0 (10 g/l, H₂O, 20°C) * Hàm lượng Aldehydes (dưới dạng Acetaldehyd): ≤ 0.001 % * Chai 2.5L	Chai	1
52.	Thuốc mê Zoletil 50	QN01AX99	Virbac	2024	Pháp	Virbac	* Thuốc mê tổng quát dạng tiêm, gồm 2 thành phần Tiletamine và Zolazepam * An toàn, đảm bảo mức độ gây mê thích hợp và loại thải cùng lúc để thú có thể phục hồi về trạng thái sinh lý bình thường * Tiêm bắp hoặc tiêm tĩnh mạch * Hoàn nguyên bằng cách hòa tan lọ bột đông khô pha tiêm và lọ nước pha, lắc kỹ * Chai 5mL	Chai	1
53.	Thuốc mê Xylazine	IX2	Interchemie	2024	Hà Lan	Interchemie	* Thuốc tiêm Xylazine 2% * Đặc tính an thần, giảm đau và thư giãn cơ * Xylazine (dạng hydrochloride):	Chai	1

							20 mg/ mL * Chai 50 mL		
54.	Pierce BCA Protein Assay Kits	23225	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Bộ kit giúp xác định nồng độ protein * Nồng độ BSA: 2 mg/mL; gồm 10 ống thủy tinh 1mL * Phương pháp phát hiện: Colorimetric ở bước sóng 562 nm * Thời gian ủ: 30 phút * Độ nhạy: phát hiện đến 5 µg/mL	Hộp	1
55.	HindIII (10U/ul)	ER0502	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí A [^] AGCTT * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm: 10X Buffer R * Nồng độ: 10 U/µL * 10,000 U	Ống	1
56.	AatII (10U/µL)	ER0992	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí GACGT [^] C * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm: 10X Buffer Tango * Nồng độ: 10 U/µL * 1,500 U	Ống	1
57.	SacI (10 U/µL)	ER1135	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí GAGCT [^] C * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm chuyên biệt: 10X Buffer SacI * Nồng độ: 10 U/µL * 2,000 U	Ống	1
58.	XbaI (10U/ul)	ER0685	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí T [^] CTAGA * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm: 10X Buffer Tango * Nồng độ: 10 U/µL * 3,000 U	Ống	1

59.	XhoI (10U/ul)	ER0695	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí C [^] TCGAG * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm: 10X Buffer R * Nồng độ: 10 U/μL * 5,000 U	Ống	1
60.	Minisart Filter, Cellulose Acetate, Sterile, Luer Slip Outlet	S7597-FXOSK	Sartorius	2024	Đức	Sartorius	* Syringe lọc chất liệu Cellulose Acetate không có chất hoạt động bề mặt (SFCA) * Đường kích lỗ lọc: 0.2 μm * Tiết trùng từng cái bằng ethylene oxide (EO) * Female Luer Lock, Male Luer Slip	Hộp	2
61.	Tricine buffer, free acid	TDB0546	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: C ₆ H ₁₃ NO ₅ * Khối lượng phân tử: 179.2 * Trạng thái: tinh thể/ bột trắng * Độ tinh sạch: ≥99.0% * Chai 100 gram	Chai	1
62.	Dulbecco's Modified Eagle's Medium - high glucose	D6429	Sigma-Aldrich	2024	EU, ASIA...	Sigma-Aldrich	* Môi trường DMEM phù hợp nuôi cấy tế bào động vật có vú * Hàm lượng Glucose cao: 4500 mg/L glucose * Thành phần chứa: NaHCO ₃ ; phenol red; sodium pyruvate; L-glutamine * Không chứa: HEPES * Đã được lọc vô trùng * Chai 500 mL	Chai	1
63.	Lọc li tâm Nanostep với màng Omega - 10K, (OMEGA NANOSTEP 10K 100/PK)	OD010C33	Cytiva	2024	Mỹ	Cytiva	* Diện tích lọc hiệu quả: 0,3 cm ² * Vật liệu lọc: polyethersulfone (PES) * Lực ly tâm tối đa: 14000 g * Nhiệt độ hoạt động tối đa: 40°C * MWCO hoặc Kích thước lỗ rỗng: 10 K	Hộp	1

							* Vật liệu bình chứa mẫu: polypropylene * Thể tích mẫu: 50 đến 500 µL		
64.	NheI (10U/ul)	ER0971	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí G [^] CTAGC * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm: 10X Buffer Tango * Nồng độ: 10 U/µL	Ống	1
65.	GeneJET Genomic DNA Purification Kit	K0721	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Bộ tách chiết DNA bộ gene từ các mẫu mô và tế bào nuôi cấy động vật, máu tổng, vi khuẩn và nấm men * Công nghệ màng silica trên các cột tách chiết, không phải sử dụng đến hóa chất độc hại như phenol-chloroform * Thời gian thực hiện nhanh: chỉ 20 phút sau bước phân giải tế bào * Có khả năng chiết được các đoạn DNA có kích thước lên tới 30 kb. * DNA sau tách chiết có thể sử dụng trực tiếp cho PCR qPCR, Southern Blotting và các phản ứng enzyme khác	Hộp	1
66.	NotI (10U/µL)	ER0595	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí GC [^] GGCCGC * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm: 10X Buffer O * Nồng độ: 10 U/µL	Ống	1
67.	EcoRI (10U/µL)	ER0275	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí G [^] AATTC * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm chuyên biệt: 10X Buffer EcoRI * Nồng độ: 10 U/µL	Ống	1
68.	SalI (10 U/µL)	ER0645	Thermo	2024	Lithuania,	Thermo	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện	Ống	1

			Scientific		Mỹ...	Scientific	các vị trí G [^] TCGAC * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm: 10X Buffer O * Nồng độ: 10 U/μL		
69.	Cfr9I (XmaI) (10U/μL)	ER0171	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí C [^] CCGGG * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm chuyên biệt: 10X Buffer Cfr9I (XmaI) * Nồng độ: 10 U/μL	Ống	1
70.	Bsp119I (BstBI) (10U/μL)	ER0121	Thermo Scientific	2024	Lithuania, Mỹ...	Thermo Scientific	* Enzyme cắt giới hạn nhận diện các vị trí TT [^] CGAA * Nhiệt độ cắt tối ưu: 37°C * Hệ đệm: 10X Buffer Tango * Nồng độ: 10 U/μL	Ống	1
71.	Kanamycin sulfate	KB0286	Biobasic	2024	Canada	Biobasic	* Công thức hóa học: C ₁₈ H ₃₆ -37N ₄ -5O ₁₀ -11*H ₂ SO ₄ * Khối lượng phân tử: 582.58 * Trạng thái: dạng bột màu trắng * Độ pH: 7.0 - 9.0 * Không chứa Pyrogens, độc tính bất thường * Chai 25 gram	Chai	1
72.	2,4,6-Tris(2-pyridyl)-s-triazine for spectrophotometric det. of Fe, ≥99.0% (HPLC)	T1253	Sigma-Aldrich	2024	EU, ASIA...	Sigma-Aldrich	* Công thức hóa học: C ₁₈ H ₁₂ N ₆ * Khối lượng phân tử: 312.33 * Phù hợp ứng dụng: UV/Vis spectroscopy * Độ tinh sạch: ≥98% * Lọ 1 gram	Lọ	1
73.	Penicillin-Streptomycin, 0.1 μm filtered, BioReagent, suitable for cell culture	P4333	Sigma-Aldrich	2024	EU, ASIA...	Sigma-Aldrich	* Kháng sinh chứa 10,000 units penicillin và 10 mg streptomycin/mL được pha loãng trong đệm citrate * Nồng độ sử dụng: 10 mL/L môi trường * Phổ hoạt động kháng sinh: Vi	Chai	1

							khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương * Không có nguồn gốc từ động vật * Chai 100 mL		
74.	Dimethyl sulfoxide for analysis	102952	Merck	2024	Đức	Merck	* Công thức hóa học: $(\text{CH}_3)_2\text{SO}$ * Khối lượng phân tử: 78.13 g/mol * Độ tinh sạch: $\geq 99.9\%$ * Tỷ trọng: 1.1 g/cm ³ (20°C) * Chai 1 L	Chai	1
75.	Triton X-100	X100	Sigma-Aldrich	2024	EU, ASIA...	Sigma-Aldrich	* Công thức hóa học: $(\text{C}_2\text{H}_4\text{O})_n\text{C}_{14}\text{H}_{22}\text{O}$ * Trạng thái: dung dịch không màu hoặc vàng nhạt * Độ hòa tan trong nước: 0.1 mL/mL; không màu hoặc vàng nhạt * Đặc tính làm tan máu, dùng cho tách chiết DNA * Khối lượng mol trung bình: 625 * Chai 100 mL	Chai	1

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá:
- Thời gian giao hàng:
- Điều khoản thanh toán :
- Điều khoản bảo hành:

**** Yêu cầu Đơn vị cung cấp điền đầy đủ thông tin, dữ liệu, thông số theo yêu cầu.**

